

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Phòng Kinh tế

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7923/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của Phòng Kinh tế (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó trưởng phòng, Kế toán và các tổ liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính kế hoạch;
- Lưu :VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Duyên

Đơn vị: PHÒNG KINH TẾ

Chương: 620



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-PKT ngày 31/12/2021 của Phòng Kinh tế)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	79.260.000
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	52.800.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	26.460.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
	a Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	b Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
	a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	47.568.000
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	26.400.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	21.168.000
	b Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	31.692.000
	Phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại	26.400.000
	Phí thẩm định quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	5.292.000
	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.908.000.000
1	Chi quản lý hành chính	3.618.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.218.000.000
	- Thanh toán cá nhân: Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	1.393.000.000
	- Hoạt động thường xuyên	825.000.000
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	742.500.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	82.500.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.400.000.000
	- Duy trì, bảo trì phần mềm QLVB	1.400.000.000

	<i>Kinh phí hoạt động</i>	1.260.000.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	140.000.000
2	Chi các sự nghiệp	3.290.000.000
2.1	Sự nghiệp Nông nghiệp	2.030.000.000
	<i>KP sự nghiệp</i>	1.827.000.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	203.000.000
2.2	Sự nghiệp Lâm nghiệp	170.000.000
	<i>KP sự nghiệp</i>	153.000.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	17.000.000
2.3	Sự nghiệp Công thương	580.000.000
	<i>KP sự nghiệp</i>	522.000.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	58.000.000
2.4	Sự nghiệp Thủy lợi	510.000.000
	<i>KP sự nghiệp</i>	484.000.000
	<i>Tiết kiệm 10%</i>	26.000.000